



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET
NĂM 2025**

Đồng Nai, ngày 20 tháng 3 năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN 1: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY	2
1. Khái quát chung	2
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	2
3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh	3
4. Hệ thống phân phối hàng hóa.....	4
5. Địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh	4
6. Các giải thưởng tiêu biểu	5
7. Danh mục sản phẩm của Công ty.....	5
8. Cơ cấu tổ chức	8
9. Công ty con, Công ty liên kết và các khoản đầu tư khác	8
10. Định hướng phát triển	8
11. Các nhân tố rủi ro.....	9
PHẦN 2: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025	12
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2025	12
2. Tổ chức và nhân sự	14
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.....	16
4. Tình hình tài chính	16
5. Cơ cấu cổ đông:	17
6. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:	18
7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	18
PHẦN 3: BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC.....	21
1. Tổng kết tình hình sản xuất, kinh doanh năm 2025:	21
2. Mục tiêu kinh doanh năm 2026:.....	22
3. Chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2026:	22
PHẦN 4: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23
1. Báo cáo tình hình hoạt động năm 2025:.....	23
2. Báo cáo kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐQT:	23
3. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban điều hành:	24
4. Kế hoạch hoạt động năm 2026.....	25
PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY	26
1. Hội đồng quản trị	26
2. Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng Quản trị:	28
3. Lương, thưởng, thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc phát sinh trong năm 2025:	30
4. Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ trong năm 2025	30
5. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty	31
PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025 KIỂM TOÁN	32

PHẦN 1: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

1. KHÁI QUÁT CHUNG

- **Tên Công ty:** Công ty Cổ phần Bột giặt NET (sau đây gọi là “Công ty”, “NETCO”)
- **Tên giao dịch:** Công ty Cổ phần Bột giặt NET
- **Tên viết tắt:** NETCO
- **Tên Tiếng Anh:** NET Detergent Joint Stock Company
- **Mã cổ phiếu:** NET
- **Vốn điều lệ:** 223.983.740.000 đồng
- **Trụ sở chính:** Đường D4, KCN Lộc An – Bình Sơn, Xã Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
- **Điện thoại:** 0251.3682102 – 0251.3682103
- **Fax:** 0251.3682106
- **Email:** botgiatnet@netcovn.com.vn
- **Website:** www.netcovn.com.vn
- **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp** có mã số 3600642822, đăng ký lần đầu ngày 01/07/2003 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) tỉnh Đồng Nai cấp, được cập nhật thay đổi tại từng thời điểm.

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- **Năm 1968**, Công ty Bột giặt NET (có tiền thân là Việt Nam Tân hóa phẩm Công ty) được thành lập.
- **Năm 1972**, Công ty hoàn thành xây dựng và được đưa vào sản xuất với công suất 5.800 tấn sản phẩm/năm.
- **Năm 1975**, khi đất nước thống nhất, Việt Nam Tân hóa phẩm Công ty được Chính phủ Việt Nam quốc hữu hóa và trung mua, đổi tên thành Nhà máy Bột giặt Đồng Nai hạch toán dưới dạng báo sổ trực thuộc Công ty Bột giặt Miền Nam.
- **Năm 1990**, nhà máy chuyển từ hình thức hạch toán phụ thuộc sang hình thức hạch toán độc lập. Đây cũng là năm mà nhà máy thay đổi toàn bộ nhân sự mới.
- **Năm 1992**, Nhà máy chuyển thành Công ty Bột giặt NET trực thuộc Tổng công ty hóa chất công nghiệp và hóa chất tiêu dùng – Bộ Công nghiệp nặng, đồng thời nhận lại Nhà máy Mỹ phẩm Bình Đông và chuyển chi nhánh NET.
- **Năm 1994**, Công ty đầu tư đổi mới công nghệ, kỹ thuật và áp dụng cơ chế quản lý mới, phù hợp tình hình phát triển thực tế. Lần đầu tiên sản phẩm bột giặt White NET được ra mắt tại thị trường Việt Nam.
- **Năm 1998**, Công ty khánh thành Chi nhánh NET tại Hà Nội với một tháp Bột giặt có công suất 10.000 tấn bột giặt/năm.
- **Năm 2003**, Công ty chính thức cổ phần hóa, đổi tên thành Công ty Cổ phần Bột giặt NET với số vốn điều lệ là 22 tỷ đồng, trong đó nhà nước giữ 51% vốn.
- **Năm 2007**, Công ty nâng vốn điều lệ từ 22 tỷ đồng lên 33 tỷ đồng được trích từ lợi nhuận và quỹ đầu tư.

- **Năm 2009**, Công ty nâng vốn từ 33 tỷ đồng lên thành 45 tỷ đồng từ lợi nhuận và quỹ đầu tư phát triển. Đến thời điểm 2009, công suất nhà máy tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1 (Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) đã được nâng lên 140.000 tấn/năm.
- **Năm 2010**, Công ty chính thức thực hiện giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Từ đó khẳng định và cam kết tính minh bạch cũng như nâng cao khả năng huy động vốn. Chiến lược phát triển bền vững: giữ vững và phát triển thị trường xuất khẩu; tiến sâu vào thị trường nội địa.
- **Năm 2011**, Công ty nâng vốn điều lệ từ 45 tỷ đồng lên 79,99 tỷ đồng. Nguồn hình thành từ lợi nhuận và quỹ đầu tư phát triển.
- **Năm 2014**, Công ty tiếp tục nâng vốn điều lệ lên 159,99 tỷ đồng do phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- **Năm 2016**, Công ty tăng vốn điều lệ lên 223,98 tỷ đồng do phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quy mô vốn gấp 10 lần so với lúc vừa hình thành. Tại thời điểm 2016, công suất Nhà máy tại Hà Nội đã được nâng lên 70.000 tấn/năm.
- **Năm 2017**, khánh thành nhà máy mới tại Khu công nghiệp Lộc An – Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với quy mô hiện đại, tối đa hóa tự động, mở ra thời kỳ tự động hóa gắn liền với năng suất, chất lượng.
- Năm 2018 đến nay Công ty không có biến động về vốn điều lệ.

3. NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	TÊN NGÀNH
1.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng, chế phẩm vệ sinh.
2.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu
3.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh.
4.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn các loại vật tư, hóa chất ngành tẩy rửa (trừ hóa chất độc hại mạnh)
5.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).
6.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê kho, nhà xưởng, văn phòng
7.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa

4. HỆ THỐNG PHÂN PHỐI HÀNG HÓA

- Đối với thị trường nội địa, Công ty duy trì kênh GT truyền thống hiện hữu của NETCO cho các Khu vực từ Bắc tới Nam. Ngoài ra NETCO cũng tích hợp với hệ thống phân phối hàng hóa của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan – công ty mẹ của công ty mẹ (sau đây gọi là “Tập đoàn Masan”) cho kênh siêu thị. Công ty tiếp tục duy trì kênh bán hàng Horeca cho các khách hàng ở Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận.
- Đối với thị trường xuất khẩu: NETCO xuất khẩu hàng hóa ra thị trường nước ngoài thông qua việc gia công sản phẩm cho một số khách hàng đối tác lớn và xuất khẩu hàng hóa dưới thương hiệu NET đến các thị trường khác như Úc, New Zealand, Campuchia, UAE, Afghanistan, Gabon, Philippines,...

5. ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Tên nhà máy/ cơ sở sản xuất/ chi nhánh kinh doanh dịch vụ	Địa chỉ	Tỉnh/thành phố
1.	Công ty Cổ phần Bột Giặt NET (<i>nhà máy sản xuất, cũng là trụ sở chính</i>)	Đường D4, Khu công nghiệp Lộc An – Bình Sơn, Xã Long Thành	Đồng Nai
2.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Bột Giặt NET tại Thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai (<i>Chi nhánh</i>)	Đường số 8, Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường Trảng Biên	Đồng Nai
3.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Bột Giặt NET tại Thành phố Hồ Chí Minh (<i>Chi nhánh</i>)	617-629 Bến Bình Đông, Phường Phú Định	TP HCM
4.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Bột Giặt NET (<i>Chi nhánh</i>)	KM số 1, đường Phan Trọng Tuệ, Xã Tam Hiệp	TP Hà Nội

6. CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Với những nỗ lực trong việc cải tiến chất lượng sản phẩm và dịch vụ, NETCO đã đạt được nhiều giải thưởng, chứng nhận trong các năm qua:

a) Chứng nhận hệ thống:

- Chứng nhận BRCGS - Tiêu chuẩn toàn cầu của Hiệp hội bán lẻ Anh cho sản phẩm tiêu dùng: dòng sản phẩm Chăm sóc cá nhân và gia dụng.
- Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.
- Chứng nhận Hệ thống quản lý thực hành tốt mỹ phẩm ISO 22716:2007.
- Chứng nhận Hệ thống quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015.
- Chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp ISO 45001:2018.
- Chứng nhận Hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001:2018.
- Chứng nhận Hệ thống quản lý xác minh và tính toán khí nhà kính ISO 14064:1:2018.
- Chứng nhận SMETA về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp.

b) Các giải thưởng:

- Giấy chứng nhận đạt danh hiệu Xanh - Sạch - Đẹp, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, do Liên đoàn lao động tỉnh Đồng Nai cấp.
- Huân chương lao động hạng ba năm 1995, huân chương lao động hạng nhì năm 2007, do chủ tịch nước CH XHCN VN trao tặng.
- Cờ đơn vị xuất sắc phong trào thi đua do Chính Phủ và Bộ Công Thương trao tặng.
- Tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ nộp thuế 2007, do Cục thuế tỉnh Đồng Nai tuyên dương.
- Sản phẩm dịch vụ xuất sắc 2008, do Tạp chí Doanh nghiệp và Hội nhập bình chọn.
- Top 100 Thương hiệu hàng đầu Việt 2008, 2009 do Tạp chí Thương hiệu Việt bình chọn.
- Top 100 thương hiệu – nhãn hiệu uy tín năm 2013, do bạn đọc Tạp chí Doanh nghiệp và Đầu tư và người tiêu dùng bình chọn.
- Top 100 sản phẩm tốt nhất cho gia đình và trẻ em lần thứ VI – năm 2019, 2020, 2021, do Báo Lao động và Xã hội bình chọn.
- Top 329 doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn CBTT năm 2020 do Hiệp hội Các nhà Quản trị Tài chính Việt Nam, Vietstock và Tạp chí điện tử Tài chính và Cuộc sống bình chọn.
- Công ty Cổ phần Bột Giặt NET ghi danh trong Bảng xếp hạng PROFIT500 - Top500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2022 do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp cùng Báo VietnamNet công bố dựa trên kết quả nghiên cứu và đánh giá độc lập của Vietnam Report.
- 17 năm liên tục đạt danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao 2008-2025 do người tiêu dùng bình chọn.

7. DANH MỤC SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bột giặt NET cung cấp các sản phẩm bột giặt, nước giặt, nước rửa chén, nước lau sàn mang thương hiệu NET như sau:

Dòng sản phẩm về bột giặt, nước giặt



Dòng sản phẩm về nước rửa chén



Dòng sản phẩm về nước lau sàn nhà



Thị trường tiêu thụ của các nhóm sản phẩm này được chia thành 3 nhóm:

- **Nhóm các sản phẩm tiêu thụ tại thị trường nội địa:**

Tại thị trường nội địa, NETCO chọn cho mình con đường riêng để đến với người tiêu dùng bằng tấm lòng của một nhà sản xuất chân chính, luôn giữ chữ “TÍN” với khách hàng qua “CHẤT LƯỢNG & GIÁ CẢ”. Vì vậy, so với sản phẩm của các công ty khác, các sản phẩm của NETCO luôn dành được sự chấp nhận và tin tưởng của đông đảo người tiêu dùng.

- **Nhóm các sản phẩm xuất khẩu:**

NET cung ứng một lượng lớn các sản phẩm bột giặt, nước rửa chén cho thị trường xuất khẩu như: Úc, New Zealand, Campuchia, UAE, Afghanistan, Gabon, Philippines, ...

- **Nhóm các sản phẩm nhận gia công Thị trường nội địa và xuất khẩu:**

Nhờ vào nền tảng tốt về cơ sở vật chất, kỹ thuật và công nghệ sản xuất tiên tiến đã đưa NETCO trở thành đối tác chiến lược của Unilever Asia; đối tác của Khách hàng New Zealand; đối tác của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan gia công các sản phẩm mang thương hiệu Joins, Homey, Chante, Sopa.

8. CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng Cổ đông; Hội đồng Quản trị (bao gồm Ủy ban Kiểm toán) và Tổng Giám đốc.

- Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông bầu ra Hội đồng Quản trị, cơ quan quản lý cao nhất. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng để trực tiếp điều hành Công ty. Công ty có cơ cấu khá đầy đủ phòng ban chuyên môn và một nhà máy sản xuất đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty hiện tại và tương lai.
- Hội đồng Quản trị quyết định tất cả những vấn đề quan trọng liên quan đến Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Hiện nay, Hội đồng Quản trị của Công ty bao gồm 07 thành viên, hoạt động theo nhiệm kỳ 05 năm. Nhiệm kỳ hiện tại của Hội đồng Quản trị là từ năm 2021 đến năm 2026.
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

9. CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ KHÁC

- **Công ty con:** không có.
- **Công ty liên kết:** không có.
- **Khoản đầu tư khác:** Công ty có khoản đầu tư khác vào Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ, tương đương 10,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ. Công ty này đã ngưng hoạt động.

10. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- **Giá trị cốt lõi:** “Chính trực – Tôn trọng – Hợp tác”
- **Mục tiêu hoạt động của Công ty:**

Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng nâng cao lợi ích của các cổ đông và người lao động, trên cơ sở hướng tới trở thành một nhà sản xuất lớn về chất tẩy rửa tại Việt Nam và Châu Á; đảm bảo công ty phát triển bền vững trên cơ sở áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến và tự động hóa quá trình sản xuất; đảm bảo môi trường sản xuất tốt nhất cho người lao động; tích cực hội nhập với kinh tế quốc tế.

- **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

NETCO tin rằng, những chiến lược trung và dài hạn sẽ trở thành kim chỉ nam giúp cho các mục tiêu của Công ty trở thành hiện thực một cách vững chắc, mang đến giá trị tăng thêm cho quý cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng và các đối tác. Cụ thể, Công ty đã đề ra các chiến lược trung và dài hạn sau:

- Tiếp tục công tác định vị thương hiệu NET, xây dựng hình ảnh sản phẩm với chất lượng tốt và giá cả hợp lý, mở rộng hệ thống phân phối tại thị trường nội địa và vươn ra hơn

nữ thị trường thế giới. Từng bước thay đổi diện mạo, nâng cao giá trị hình ảnh thương hiệu nhằm phục vụ và đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng Việt.

- Phân tích tình hình thị trường, đưa ra và thực hiện các kế hoạch, chính sách phù hợp với mô hình hoạt động của NETCO để hạn chế những rủi ro ảnh hưởng đến sự phát triển của Công ty.
- Nghiên cứu nhu cầu, mẫu mã sản phẩm, chất lượng vượt trội, đa dạng các đối tượng khách hàng để phục vụ và nhắm đến mục tiêu không giới hạn trong nội địa và xuất khẩu, khách hàng đang sử dụng sản phẩm mang thương hiệu NET và những khách hàng tiềm năng.
- Chú trọng vào công nghệ sản xuất, cải tiến hệ thống sản xuất theo hướng tự động hóa, giảm sức người, tăng hiệu suất lao động, từng bước đưa NETCO trở thành Công ty nằm trong chuỗi cung ứng chất tẩy rửa không chỉ tại Việt Nam mà còn mang tầm khu vực.
- Phát triển quản trị nguồn nhân lực, trở thành một doanh nghiệp có môi trường làm việc mà tại đó nhân viên có thể phát huy tốt nhất khả năng, đóng góp vào thành tựu chung của Công ty.
- Phát triển Công ty dựa trên nền tảng phát triển bền vững song hành cùng trách nhiệm với xã hội, thông qua việc tạo ra những sản phẩm giá trị cho con người, nâng cao chất lượng đời sống của người lao động, tuân thủ các chuẩn mực bảo vệ môi trường và hành động vì lợi ích cộng đồng.

11. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

a) Rủi ro về tỷ giá

- Vì nguyên vật liệu đầu vào của Công ty được nhập khẩu chính từ Trung Quốc, các nước Châu Âu và các sản phẩm được tiêu thụ tại nhiều quốc gia khác nhau như Úc, New Zealand, Campuchia, UAE, Afghanistan, Gabon, Philippines,... nên hoạt động kinh doanh của NETCO chịu áp lực từ sự biến động của thị trường tài chính quốc tế.
- Rủi ro tỷ giá là loại rủi ro mà doanh nghiệp luôn ở thế bị động và khó có khả năng ứng phó nhất. Thời gian gần đây, tỷ giá biến động mạnh và khó dự đoán do những bất ổn tình hình kinh tế - chính trị thế giới (lạm phát kinh tế, xung đột chính trị,...). Hoạt động xuất khẩu của NETCO chưa hẳn được hưởng lợi bởi biến động tăng tỷ giá do Công ty cũng phải nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài. Ngân hàng Nhà nước đã có những chính sách điều hành để giữ tỷ giá luôn ổn định nhưng Công ty vẫn gặp khó khăn trong việc thu tiền về và có thể là nguy cơ mất cân bằng về tiềm lực tài chính nếu không kiểm soát tốt.
- Để giảm thiểu rủi ro này, Ban điều hành NETCO luôn theo sát biến động của tỷ giá, tính toán chi tiết thời hạn thanh toán các Hợp đồng nhập khẩu nguyên vật liệu và cân đối kế hoạch dòng tiền, ngoại tệ. Đồng thời chủ động theo dõi diễn biến tiền tệ quốc tế để kịp thời điều chỉnh chính sách và kế hoạch kinh doanh.

b) Rủi ro về giá nguyên vật liệu

- Thành phần nguyên liệu chính của sản phẩm bột giặt mà NETCO sản xuất chính là LAS - được chiết xuất từ sản phẩm của dầu mỏ (parafin) nên sự biến động của tình hình kinh tế - xã hội thế giới trong năm vừa qua đã ảnh hưởng trực tiếp đến giá cả nguyên vật liệu của Công ty. Nguyên liệu này luôn tăng giá cao làm ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của Công ty.

- Để điều tiết rủi ro nguyên vật liệu, NETCO đã tìm kiếm nguyên vật liệu chất lượng từ nhiều nguồn khác nhau để giảm thiểu sự phụ thuộc vào một nhà cung cấp, duy trì nguồn cung khi có biến động xảy ra. Đồng thời, Ban lãnh đạo công ty đã tham gia các hợp đồng bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu để tránh các tổn thất không mong muốn.

c) Rủi ro cạnh tranh

- Những năm gần đây mức độ cạnh tranh trên thị trường bột giặt, chất tẩy rửa chưa bao giờ giảm sức nóng. Các thương hiệu nội địa chưa có chỗ đứng vững chắc vừa phải cạnh tranh lẫn nhau vừa phải cạnh tranh với các thương hiệu ngoại với ưu thế, bề dày kinh nghiệm chinh chiến ở các thị trường đa quốc gia, tiềm lực tài chính mạnh, chiến lược quảng cáo, khuyến mại lớn điều này gây rất nhiều khó khăn cho doanh nghiệp nội địa.
- Để nâng cao năng lực cạnh tranh, NETCO đang dần khẳng định chỗ đứng của mình bằng chiến lược riêng. Công ty luôn tìm kiếm nguồn nguyên liệu chất lượng với chi phí thấp để tạo sự khác biệt và mang lại hiệu quả bán hàng. Song song đó, Công ty nghiên cứu thị trường, định vị thương hiệu bằng cách đẩy mạnh marketing và tận dụng tối đa hệ sinh thái phân phối của Tập đoàn Masan nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ và tiếp cận tới nhiều phân khúc khách hàng khác nhau.

d) Rủi ro thay đổi hành vi tiêu dùng

- Thói quen sử dụng các thương hiệu bột giặt, nước giặt và chất tẩy rửa của người tiêu dùng Việt Nam có sự khác biệt theo từng vùng miền, đồng thời chịu tác động bởi nhiều yếu tố như chất lượng sản phẩm, thiết kế bao bì, hương thơm, hoạt động quảng cáo, khuyến mãi và trải nghiệm sử dụng. Người tiêu dùng có xu hướng sẵn sàng chuyển đổi sang các nhãn hiệu khác nếu nhận thấy sản phẩm đó có ưu thế nổi trội hơn. Do đó, nếu Công ty không thường xuyên đổi mới, cải tiến sản phẩm và nâng cao khả năng nhận diện thương hiệu, sản phẩm của Công ty có thể dần giảm sức cạnh tranh và bị người tiêu dùng lãng quên.
- Bên cạnh đó, xu hướng tiêu dùng hiện nay đang dịch chuyển theo hướng ưu tiên các sản phẩm tẩy rửa dạng lỏng thay cho bột giặt truyền thống, điều này cũng ảnh hưởng nhất định đến cơ cấu sản xuất và định hướng phát triển sản phẩm của Công ty trong vài năm trở lại đây.

e) Rủi ro pháp luật

- NETCO hoạt động trong lĩnh vực chịu sự điều chỉnh của nhiều quy định pháp luật, bao gồm pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán, kế toán, thuế, hóa chất, thương mại, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.... Việc hệ thống pháp luật thường xuyên được ban hành mới, hoặc sửa đổi/bổ sung, đặc biệt trong năm 2025 có nhiều văn bản mới được ban hành và có hiệu lực thi hành ngay, điều này gây khó khăn lớn cho Công ty trong việc thích ứng điều chỉnh.
- Do đó, Công ty liên tục theo dõi, cập nhật các thay đổi của pháp luật để kịp thời điều chỉnh quy định nội bộ và quy trình liên quan, bảo đảm hoạt động sản xuất, kinh doanh được triển khai đúng quy định pháp luật và hiệu quả.

f) Rủi ro bất khả kháng

- Các rủi ro khác như thiên tai, chiến tranh, cháy nổ,... là những rủi ro bất khả kháng và nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại rất lớn về con người, về tài sản và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty đã thực hiện các phương án giúp giảm thiểu các thiệt hại như mua bảo hiểm cho người lao động; bảo hiểm về tài sản, nhà xưởng; lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy, tập huấn phòng cháy chữa cháy cho cán bộ công nhân viên và các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn khác.

PHẦN 2: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2025

- Kết quả **doanh thu thuần đạt 1.619 tỷ đồng**, tương đương 91% so với kế hoạch (mức thấp) năm 2025 được phê duyệt và giảm 2% so với thực hiện năm 2024.
- Kết quả **lợi nhuận sau thuế đạt 159 tỷ đồng**, tương đương 99% so với kế hoạch (mức thấp) năm 2025 được phê duyệt và giảm 23% so với thực hiện năm 2024.

Một vài chỉ tiêu tài chính khác:

STT	Doanh thu thuần	Năm 2025	Năm 2024	Tỷ lệ tăng/giảm
1	Doanh thu thuần	1.619.209	1.652.662	-2%
2	Lợi nhuận từ HĐKD	202.110	257.907	-22%
3	Lợi nhuận khác	-2.015	399	-605%
4	Lợi nhuận trước thuế	200.095	258.306	-23%
5	Lợi nhuận sau thuế	158.683	206.624	-23%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	7.085	9.225	-23%

Biến động về doanh thu thuần:

Cơ cấu doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (ĐVT: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2025		Năm 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu bán hàng	1.613.969	99,68%	1.644.578	99,51%
Doanh thu dịch vụ	2.560	0,16%	4.842	0,29%
Doanh thu khác	2.680	0,17%	3.242	0,20%
Tổng cộng	1.619.209	100%	1.652.662	100%

Doanh thu thuần của Công ty năm 2025 đạt 1.619 tỷ đồng, giảm 2% so với năm 2024. Trong đó doanh thu bán hàng chiếm tỷ trọng 99,7%. Doanh thu thuần giảm chủ yếu do mức tăng trưởng của ngành hàng nước giặt thấp hơn mức giảm của ngành hàng bột giặt và nước rửa chén; và chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng trong năm.

Cơ cấu doanh thu theo thị trường (ĐVT: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2025		Năm 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu trong nước	1.443.634	89,16%	1.429.472	86,50%
Doanh thu xuất khẩu	175.575	10,84%	223.190	13,50%
Tổng cộng	1.619.209	100%	1.652.662	100%

Phân tích doanh thu thuần theo thị trường, trọng yếu vẫn là thị trường trong nước chiếm tỷ trọng 89,16% và thị trường xuất khẩu chiếm 10,84%. So với năm 2024 thì doanh thu trong nước giảm nhẹ 0,99% với giá trị giảm khoảng 14 tỷ đồng; doanh thu xuất khẩu giảm 21,33% với giá trị giảm khoảng 48 tỷ đồng.

Biến động chi phí (ĐVT: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Tỷ lệ tăng/giảm
1	Giá vốn hàng bán	1.253.135	1.225.768	2%
2	Chi phí tài chính	10.582	11.864	-11%
3	Chi phí bán hàng	149.052	142.764	4%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	29.392	32.400	-9%
5	Chi phí khác	2.086	6	34.667%
Tổng cộng		1.444.247	1.412.803	2%

Năm 2025, chi phí tăng 2%:

- giá vốn hàng bán tăng mặc dù doanh số giảm do chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng.
- chi phí tài chính giảm do biến động của chi phí lãi vay.
- chi phí bán hàng tăng do tăng các hoạt động hỗ trợ bán hàng và các khoản chi phục vụ hoạt động phân phối.
- chi phí quản lý giảm, chủ yếu do việc kiểm soát hiệu quả chi phí hoạt động.

Biến động Lợi nhuận sau thuế TNDN

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty năm 2025 đạt 159 tỷ đồng giảm 23% so với thực hiện năm 2024 và giảm 23% so với kế hoạch mức thấp. Lợi nhuận sau thuế TNDN biến động do sự biến động của chỉ tiêu sau:

- ✚ Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh trước thuế TNDN của công ty giảm 25% chủ yếu do các yếu tố: doanh thu thuần giảm 2% so với năm trước, do mức tăng trưởng của ngành hàng nước giặt thấp hơn mức giảm của ngành hàng bột giặt và nước rửa chén; và chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng trong năm.
- ✚ Thu nhập thuần hoạt động tài chính tăng 134% so với năm trước, chủ yếu do tối ưu dòng tiền cho hoạt động đầu tư.

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

2.1 BAN ĐIỀU HÀNH:

a) Thành viên và cơ cấu thành phần của Ban điều hành:

STT	Thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành
1.	Ông Mai Đức Lâm	Tổng Giám đốc	0%
2.	Ông Phạm Quốc Cường	Phó Tổng Giám đốc	0%
3.	Ông Nguyễn Thành Luân	Kế toán trưởng	0%

b) Thông tin chi tiết về Ban điều hành:

1. Ông Mai Đức Lâm:

- ◆ Ngày sinh: 23/3/1974.
- ◆ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế (MBA), cử nhân Hóa Học.
- ◆ Chức vụ tại Công ty: Tổng Giám đốc.
- ◆ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có.

2. Ông Phạm Quốc Cường

- ◆ Ngày sinh: 10/01/1971.
- ◆ Trình độ chuyên môn: Cử nhân hóa học.
- ◆ Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc.
- ◆ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có.

3. Ông Nguyễn Thành Luân

- ◆ Ngày sinh: 01/01/1985.
- ◆ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.
- ◆ Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng.
- ◆ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - ✚ Kế toán trưởng Công ty TNHH Masan HG 2;
 - ✚ Kế toán trưởng Công ty TNHH Masan Long An;
 - ✚ Kế toán trưởng Công ty TNHH Một thành viên Nam Ngư Phú Quốc;
 - ✚ Thành viên HĐQT và Chủ tịch UBKT Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo.

2.2 NGUỒN LAO ĐỘNG

a) **Số lượng cán bộ công nhân viên:** tính đến ngày 31/12/2025, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là 261 người.

b) **Chính sách nhân sự, phúc lợi**

- ✚ Môi trường làm việc

- Những thành công mà NETCO đạt được hôm nay đều được tạo nên bởi tài sản quý giá nhất đó chính là nguồn nhân lực có trình độ, có tay nghề, đam mê công việc và luôn gắn bó với Công ty dù trải qua nhiều giai đoạn khó khăn.
- Công ty luôn xây dựng văn hóa doanh nghiệp và tạo ra môi trường làm việc năng động, công bằng, thúc đẩy thành công, là nơi mà mỗi một nhân viên đều có cơ hội được làm việc, rèn luyện, phát triển sự nghiệp. Công ty luôn kiên định trong mục tiêu xây dựng và gìn giữ một môi trường làm việc chuyên nghiệp, tạo điều kiện cho các cán bộ công nhân viên thỏa sức sáng tạo, phát huy năng lực, trình độ của mình và hợp tác với nhau hướng tới sự phát triển chung của Công ty cũng như sự phát triển của từng cá nhân.

Chính sách người lao động

- Yếu tố con người luôn được chú trọng phát triển và được xem là yếu tố then chốt đồng hành cùng sự thành công của NETCO. Do đặc thù ngành nghề kinh doanh tác động lớn đến sức khỏe con người nên công tác chăm sóc sức khỏe người lao động rất được quan tâm.
- Công ty cam kết tạo việc làm cho người lao động và tổ chức nguồn nhân lực một cách tối ưu nhất đảm bảo tạo mọi điều kiện để nhân viên phát triển thăng tiến trong nghề nghiệp
- Tất cả nhân viên đều được đối xử bình đẳng và được bảo vệ thích đáng trước mọi hành vi phân biệt đối xử trong việc làm hoặc nghề nghiệp.
- Công ty cam kết không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức dưới mọi hình thức.
- Chính sách nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng trong việc giữ chân người lao động, đặc biệt trong thị trường lao động cạnh tranh như hiện nay, do đó, Công ty luôn chú trọng cải tiến chính sách lương, thưởng, đào tạo phát triển nguồn nhân lực để mọi người lao động đều có cơ hội thể hiện và phát triển được năng lực cá nhân.

Chính sách lương, thưởng

- Chính sách lương, thưởng của NETCO có tính cạnh tranh trên cơ sở khảo sát lương của thị trường lao động. Công ty luôn tuân thủ quy định của Luật Lao động về quy chế tiền lương và các cam kết với người lao động.
- Công tác tiền lương được thực hiện nghiêm ngặt theo quy định của Pháp luật lao động, tuyệt đối tuân thủ quy chế tiền lương và các cam kết với người lao động. Người lao động được hưởng các chế độ thu nhập, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng. Chính sách thưởng được thực hành trên cơ sở bộ công cụ đánh giá thực hiện công việc.

Chính sách phúc lợi

- Công ty luôn quan tâm đời sống vật chất, tinh thần của nhân viên, gắn kết và gia tăng mức độ hài lòng của người lao động. Chính sách đãi ngộ lao động luôn được liên tục hoàn thiện với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó dài lâu, duy trì văn hóa doanh nghiệp của Công ty. Cụ thể, các chế độ bảo hiểm như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn cho người lao động đều được thực hiện một cách đầy đủ, tạo điều kiện cho người lao động được khám sức khỏe định kỳ theo quy định của Pháp luật nhằm tạo môi trường làm việc năng động và đảm bảo an toàn cho nhân viên của mình.

- Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các hoạt động nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao thường xuyên được tổ chức không chỉ nâng cao kiến thức về văn hóa, kinh tế, chính trị - xã hội mà còn hướng đến xây dựng một tập thể lao động đoàn kết, gắn bó với nhau, góp phần tạo nên bản sắc của NETCO.

Chính sách tuyển dụng

- Các nhân tố về thu hút người tài giỏi có năng lực, tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, nhiệt tình, siêng năng, sẵn sàng lắng nghe và sẵn sàng hợp tác được Công ty đặc biệt coi trọng. Nhân sự được tuyển dụng dựa trên hình thức đánh giá năng lực, kinh nghiệm và kỹ năng phù hợp cho từng vị trí. Mỗi vị trí, chức danh công việc đều có tiêu chí, tiêu chuẩn tuyển dụng riêng, có mô tả công việc cụ thể và được thực hiện theo đúng quy trình tuyển dụng của công ty. Trong các năm trở lại đây, Công ty có chính sách tuyển dụng các kỹ sư trẻ nhằm đào tạo đội ngũ nhân lực giỏi kế thừa.
- Bên cạnh đó, NETCO cũng đề cao và trân trọng sự đa dạng, luôn tạo môi trường công bằng, không phân biệt giới tính, tôn giáo hay quốc tịch,... Các cơ hội thăng tiến nghề nghiệp luôn công bằng cho mọi đối tượng dựa trên lộ trình nghề nghiệp cụ thể với các tiêu chuẩn rõ ràng.

Chính sách đào tạo

- Chính sách và hoạt động đào tạo theo mục tiêu lấy người học làm trọng tâm, nỗ lực thúc đẩy tinh thần học tập chủ động, lâu dài và lan tỏa sự tiến bộ trong tổ chức, đến cộng đồng và khách hàng của NETCO. Chương trình và hoạt động đào tạo được triển khai không chỉ nhằm mục đích giúp nhân viên bổ sung năng lực cho công việc hiện tại mà còn mang đến hành trang cho lộ trình phát triển nghề nghiệp cá nhân trong tương lai.
- Hàng năm Công ty tạo điều kiện cho CB-CNV có cơ hội nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, kỹ năng mềm và hiệu quả thực hiện công việc, góp phần tăng hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực của công ty. Các buổi đào tạo này ngoài mục đích chia sẻ kiến thức, kỹ năng còn giúp tạo sự gắn kết và chia sẻ giữa các CB-CNV Công ty.

Về an toàn lao động:

- Khi làm việc tại Công ty, người lao động được cung cấp đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, các biện pháp giữ an toàn và vệ sinh nơi làm việc, môi trường tốt để làm việc. Công ty thường xuyên thực hiện huấn luyện đội ngũ người lao động về hành vi an toàn lao động khi mới chính thức gia nhập Công ty và trong suốt quá trình làm việc.
- Trong năm 2025, bộ phận An Toàn- sức khỏe- môi trường của Công ty ("bộ phận SHE") đã tổ chức huấn luyện các lớp về an toàn lao động cho tất cả CBCNV làm việc tại Công ty, cụ thể: huấn luyện về luyện an toàn sử dụng thiết bị áp lực, nồi hơi; an toàn sử dụng thiết bị nâng; an toàn điện; an toàn vệ sinh lao động; an toàn sử dụng hóa chất,...

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Năm 2025 phát sinh các dự án đầu tư trọng yếu, chủ yếu là các hoạt động cải tạo, sửa chữa.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025 (triệu VNĐ)	Năm 2024 (triệu VNĐ)	% tăng/ giảm
1.	Tổng giá trị tài sản	1.076.117	986.305	9%
2.	Doanh thu thuần	1.619.209	1.652.662	-2%
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	202.110	257.907	-22%
4.	Kết quả hoạt động khác	-2.015	399	-605%
5.	Lợi nhuận trước thuế	200.095	258.306	-23%
6.	Lợi nhuận sau thuế	158.683	206.624	-23%

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024	% tăng/ giảm
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,53	1,57	-2%
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,19	1,07	11%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	50%	46%	4%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	99%	86%	13%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,08	6,08	0%
Doanh thu thuần/ tổng tài sản	Lần	1,57	1,76	-11%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	10%	13%	-3%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	30%	43%	-13%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	15%	22%	-7%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	12%	16%	-4%

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG:

Tổng số cổ phiếu đã phát hành:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 22.398.374 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông (*):

ST T	Thành phần cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỉ lệ
1.	Cổ đông trong nước	830	22.207.930	99,15%
	<i>Trong đó:</i>			
	<i>Cổ đông lớn: Công ty TNHH Masan HPC</i>	1	11.703.630	52,25%
	<i>Cổ đông lớn: Tập đoàn Hóa chất Việt Nam</i>	1	8.064.498	36%
2.	Cổ đông nước ngoài	42	190.444	0,85%
	<i>Cổ đông lớn: không có</i>	-	-	
	Tổng cộng	872	22.398.374	100%

(* theo danh sách cổ đông chốt ngày 02/10/2025.

6. TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

Năm 2025 không phát sinh thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

7. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Sản xuất và kinh doanh các chất tẩy rửa là một lĩnh vực hoạt động cần sự vận hành của nhiều dây chuyền sản xuất với nhu cầu lớn về tiêu thụ năng lượng đòi hỏi sự tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn về xả khí thải, nước thải, chất thải ra môi trường. Ý thức được điều đó, NETCO luôn cam kết tuân thủ đúng và đầy đủ tất cả các khía cạnh trọng yếu của các quy định về môi trường tại Việt Nam, không ngừng cải thiện các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, hạn chế mức tối đa những tác động đến môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

a) Các biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

- Hệ số phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp (bao gồm hệ số CO₂, CH₄, N₂O): trực tiếp 1607 ton CO₂, gián tiếp 2421 ton CO₂ từ điện và 1 phần Scope 3. Trong năm 2025, Công ty đã được cấp chứng nhận Hệ thống quản lý kiểm kê và xác minh khí nhà kính theo tiêu chuẩn ISO 14064-1:2018, qua đó khẳng định nỗ lực của Công ty trong việc kiểm soát, đo lường và quản lý phát thải khí nhà kính một cách minh bạch, có hệ thống, phù hợp với định hướng phát triển bền vững
- Sử dụng nguồn năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. Việc sử dụng năng lượng một cách tiết kiệm luôn được Công ty chú trọng, đảm bảo nằm trong định mức mà Tổng Giám đốc đã đề ra. Mỗi dây chuyền sản xuất được thường xuyên theo dõi, thống kê tình hình sử dụng năng lượng nhằm phát hiện và điều chỉnh kịp thời tình hình sử dụng không hợp lý.
- Duy trì mật độ diện tích cây xanh bao phủ các nhà máy của Công ty theo quy định. Thường xuyên chăm sóc và tái tạo trồng cây xanh nhằm tạo sự thoáng mát trong khuôn viên Nhà máy cũng như ngăn bụi phát tán ra môi trường xung quanh.
- Kiểm soát nghiêm ngặt và thực hiện quan trắc nguồn khí thải phát ra từ hoạt động sản xuất của Công ty đạt tiêu chuẩn theo luật định.
- Sử dụng các máy móc, thiết bị với công nghệ hiện đại nhằm giảm thiểu tối đa các nguồn phát thải trong quá trình sản xuất.

- Bố trí máy móc, thiết bị hợp lý và thường xuyên bảo trì thiết bị, tránh tình trạng hoạt động quá tải của thiết bị gây ảnh hưởng đến môi trường
- Nhà xưởng, các khu vực sản xuất, sân đường nội bộ luôn được vệ sinh quét dọn thường xuyên.
- Các phương tiện giao thông ra vào Công ty phải giảm tốc độ và đậu đúng vị trí quy định. Khi bốc dỡ hàng hóa, yêu cầu lái xe phải tắt máy xe, sau khi bốc dỡ các loại vật liệu xong mới được nổ máy ra khỏi khu vực.

b) Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng chi phí mua nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm năm 2025 là 1.182 tỷ đồng.
- Nguyên liệu sử dụng cho sản xuất được đáp ứng theo tiêu chuẩn của Công ty. Các nguyên liệu trước khi đưa vào sản xuất đều được Phòng Quản lý chất lượng của Công ty kiểm tra chất lượng. Trong quá trình sản xuất, nguyên vật liệu được kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các bộ phận sản xuất, cung ứng thông qua các báo cáo hàng ngày, hàng tuần như báo cáo nhập xuất tồn nguyên liệu, tiêu hao so với định mức, cân đối nguyên liệu sản xuất – thành phẩm nhằm đảm bảo sử dụng tiết kiệm, không thất thoát.

c) Tiêu thụ năng lượng điện, nước

- Tổng lượng điện sử dụng trong năm 2025: 1.395.420 Kwh, nguồn cung cấp: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển VRG Long Thành.
- Tổng lượng nước sử dụng trong năm 2025: 73.306 m³, nguồn cung cấp: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển V.R.G Long Thành.
- Công ty luôn đề cao và yêu cầu toàn bộ cán bộ công nhân viên trong Công ty thực hiện chính sách tiết kiệm điện và nước trong sinh hoạt và sản xuất. Phần lớn nước sử dụng trong sản xuất nhóm sản phẩm chất tẩy rửa dạng lỏng (nước rửa chén, nước lau sàn, nước xả vải) đều được giữ lại tái tuần hoàn trở thành một trong những nguyên liệu của sản phẩm giúp Công ty tăng tỷ lệ thu hồi nước tại các khu vực, tiết kiệm chi phí mua nước cấp đầu vào và giảm chi phí xử lý nước thải.

d) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Ngoài công tác nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, Công ty luôn chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường để hướng tới doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thân thiện với môi trường. Theo đó Công ty có bộ phận chuyên trách về môi trường có trình độ chuyên môn cao. Tất cả người lao động đều được phổ biến, hướng dẫn cách phân loại rác tại nguồn trong sản xuất và hoạt động văn phòng cũng như các quy định về vệ sinh môi trường.
- Công ty thực hiện đầy đủ đánh giá tác động môi trường. Trong suốt quá trình hoạt động nhà máy đều thực hiện quan trắc nước thải, khí thải,... theo đúng quy định và tất cả các chỉ tiêu về nước thải, khí thải đều đạt quy định.
- Nước thải luôn được xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Lộc An – Bình Sơn.
- Khí thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.
- Chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, phế liệu,... phát sinh trong Công ty được phân loại, thu gom và chuyển giao xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Để đảm bảo môi trường làm việc đạt tiêu chuẩn nhằm bảo vệ sức khỏe người lao động, Công ty tăng cường áp dụng các biện pháp kỹ thuật để thông thoáng nhà xưởng; trang bị CB chống giật chủ động, cải thiện layout lối đi bộ an toàn cho người lao động, lắp khung móc đai an toàn khi làm việc trên cao. Đồng thời thực hiện đo đạc các thông số về môi trường làm việc định kỳ theo yêu cầu của pháp luật.

e) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Góp phần tạo công ăn việc làm cho nguồn lao động địa phương.
- Công ty hoạt động tốt, nộp ngân sách nhà nước đầy đủ.
- Nhà máy của chúng tôi đều thực hiện đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường trước khi đi vào hoạt động. Trong suốt quá trình hoạt động các nhà máy đều thực hiện quan trắc nước thải, khí thải,... theo đúng quy định và tất cả các chỉ tiêu về nước thải, khí thải đều đạt quy định.
- Trong năm qua, Công ty tích cực hỗ trợ, tham gia chăm lo đời sống và tặng quà cho các hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn tại địa phương dịp Tết Nguyên đán hoặc các đợt gây quỹ ủng hộ của chính quyền xã, chung tay thực hiện các chương trình bảo vệ môi trường theo chương trình phát động của chính quyền địa phương tại xã Long Thành.

PHẦN 3: BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

1. TỔNG KẾT TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, KINH DOANH NĂM 2025:

- Như đã dự báo từ các năm trước, ngành hàng chăm sóc cá nhân và gia đình (Home & Personal Care – HPC) là một trong những lĩnh vực kinh doanh hấp dẫn tại Việt Nam và dự báo sẽ liên tục tăng trưởng trong các năm tới, trở thành một sân chơi cạnh tranh khốc liệt của các doanh nghiệp trong và ngoài nước có tiềm lực tài chính và vị thế thị trường mạnh. Năm 2025 là năm sức ép từ thị trường cũng như sự biến động chuyển dịch kinh tế toàn cầu rất rõ rệt. Điều này góp phần làm giảm doanh thu của Công ty, đặc biệt doanh thu xuất khẩu.
- Bên cạnh đó, nền kinh tế Việt Nam đang từng bước hồi phục nhưng chưa đủ mạnh mẽ, kinh tế và chính trị thế giới còn nhiều bất ổn khiến giá các nguyên liệu sản xuất (nguyên vật liệu chính, bao bì) tăng bất thường đã góp phần gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm qua.
- Kết thúc năm 2025, Công ty Cổ phần Bột Giặt NET đạt doanh thu thuần 1.619 tỷ đồng tương đương 91% so với kế hoạch (mức thấp) năm 2025 và giảm 2% so với năm 2024. Tuy vậy, với rất nhiều nỗ lực từ đội ngũ bán hàng ở tuyến đầu, các chương trình tung sản phẩm mới của marketing và nỗ lực tối ưu hóa, tiết giảm chi phí của khối cung ứng, Công ty cũng đã đạt được kết quả đáng kể, tiệm cận với chỉ tiêu kinh doanh quan trọng đó là lợi nhuận. Cụ thể, lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty đạt 159 tỷ đồng tương đương 99,4% so với kế hoạch (mức thấp) năm 2025 và thấp hơn 23% so với kết quả kinh doanh năm 2024.

	Đvt	Thực hiện 2025	Thực hiện 2024	Biến động Giá trị %	
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.619	1.653	-34	-2,1%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	159	207	-48	-23,2%

	Đvt	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2025 (*)	Thực hiện so với kế hoạch Giá trị %	
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.619	1.780	-161	91,0%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	159	160	-1	99,4%

(*) kế hoạch kinh doanh 2025 mức thấp

Một số điểm nổi bật trong hoạt động kinh doanh năm 2025:

- Duy trì các chứng nhận các tiêu chuẩn quản lý quốc tế về chất lượng, môi trường, an toàn, năng lượng, Công ty đã và đang triển khai quản lý khí nhà kính theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 14064-1:2018.
- Thực hiện các dự án:
 - 🚦 Cải tiến năng suất lao động của sản xuất tẩy rửa lỏng 16% bằng các dự án tự động hóa cuối dây chuyền như xếp pallet tự động, cải tiến tăng tốc độ máy chiết rót trung bình 20% và tiết kiệm 2,86 tỷ đồng.

- ✚ Tiếp tục mở rộng dự án giảm sử dụng màng PE trong sản xuất và hoàn thiện dự án chuyển đổi 100% xe nâng sử dụng năng lượng từ diezen sang điện, giúp giảm 1,02 tỷ VND và 97 tấn CO2 phát thải.
- ✚ Nâng công suất tẩy rửa lồng lên 130% so với ban đầu.
- ✚ Chuyển đổi 70% hoạt động đóng gói thủ công bột giặt sang tự động hóa giúp giảm 582 triệu đồng.

2. MỤC TIÊU KINH DOANH NĂM 2026:

- Năm 2026 được đánh giá sẽ còn khó khăn rất nhiều, do vậy Ban điều hành cần thận trọng cân nhắc và sẽ đề xuất mục tiêu năm 2026 tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông sắp tới.

3. CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026:

- Tiếp tục định hướng trở thành nhà sản xuất lớn trong khu vực, tham gia chuỗi cung ứng ngành hàng chăm sóc gia đình Homecare trên toàn cầu với định hướng áp dụng cao chương trình số hóa và tự động hóa.
- Tiếp tục nỗ lực áp dụng các giải pháp sản xuất xanh trong toàn hệ thống sản xuất để phát triển bền vững, sản xuất kinh doanh gắn liền với bảo vệ môi trường và an toàn cho cộng đồng xã hội, với cam kết giảm 2% phát thải CO2 so với năm 2025 tương đương 80.6 tấn.
- Kết hợp tối đa sức mạnh kênh phân phối từ MASAN và NETCO nhằm đưa sản phẩm mang thương hiệu của NET, các thương hiệu gia công HOMEY, CHANTE, SOPA thâm nhập thị trường hóa mỹ phẩm đến tay người tiêu dùng một cách sâu rộng và hiệu quả.
- Tiếp tục xây dựng thương hiệu NET, đặt trọng tâm trong việc sáng tạo phát triển sản phẩm mới, ứng dụng kỹ thuật và công nghệ tiên tiến nâng tầm chất lượng sản phẩm, mở rộng ngành hàng để “*Hàng ngày, chúng ta chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người Việt Nam*”.

PHẦN 4: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025:

- Năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã từng bước chỉ đạo, triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm giúp Ban điều hành tổ chức hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.
- Các chỉ tiêu chính đã đạt được:
 - 📊 Về doanh thu thuần: **đạt 1.619 tỷ đồng**, tương đương 91% so với kế hoạch (mức thấp) năm 2025 được phê duyệt và giảm 2% so với thực hiện năm 2024.
 - 📊 Về lợi nhuận sau thuế: **đạt 159 tỷ đồng**, tương đương 99% so với kế hoạch (mức thấp) năm 2025 được phê duyệt và giảm 23% so với thực hiện năm 2024.

	Đvt	Năm 2025	Năm 2024	So sánh 2025/2024	
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	224	224	-	100%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	542	529	13	102%
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	1.076	986	90	109%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.619	1.653	-33	98%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	202	258	-56	78%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	200	258	-58	77%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	159	207	-48	77%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/cổ phiếu	7.085	9.225	-2140	77%

- Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, việc làm của người lao động được đảm bảo.
- Trong năm qua, Công ty luôn tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, sử dụng hóa chất, phòng cháy chữa cháy, môi trường,... không xảy ra sự cố vi phạm trọng yếu nào.

2. BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA HĐQT:

- Trên cơ sở các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 phê duyệt và căn cứ Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị đã thực hiện công tác giám sát Ban điều hành; công tác quản trị doanh nghiệp, chiến lược sản xuất, kinh doanh, đầu tư,... một cách cẩn trọng, nghiêm túc và quyết liệt, tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty. Các thành viên đều có tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm của mình để giúp Hội đồng Quản trị thực hiện tốt vai trò định hướng phát triển Công ty.
- Hội đồng Quản trị cũng đã hoạch định chủ trương và chiến lược kinh doanh sát với biến động của thị trường, có phản ứng điều chỉnh nhanh nhạy, kịp thời giúp giải quyết một cách

hiệu quả các vấn đề, mang lại hiệu quả hoạt động chung của Công ty và tăng vị thế của Công ty Cổ phần Bột Giặt NET trong ngành.

- Trong năm, Hội đồng Quản trị Công ty đã tiến hành họp thường kỳ mỗi quý và lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản. 100% cuộc họp đều được thực hiện theo đúng quy trình thủ tục với sự tham gia đầy đủ, tích cực, đóng góp ý kiến và biểu quyết thông qua của toàn bộ các thành viên Hội đồng Quản trị.
- Hội đồng Quản trị ban hành tổng cộng 11 Nghị quyết, Quyết định đề thông qua các nội dung sau:
 - ✚ Phê duyệt việc chốt danh sách cổ đông (ngày đăng ký cuối cùng) để tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
 - ✚ Phê duyệt các vấn đề trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua.
 - ✚ Phê duyệt việc chốt danh sách cổ đông (ngày đăng ký cuối cùng) để tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường.
 - ✚ Bổ nhiệm thành viên Ủy ban kiểm toán của Công ty.
 - ✚ Phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025.
 - ✚ Phê duyệt ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định hình thức con dấu Công ty.
 - ✚ Phê duyệt sắp xếp lại cơ cấu tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Chi nhánh Miền Bắc và Chi nhánh Hồ Chí Minh.
 - ✚ Phê duyệt tăng công suất tẩy rửa lồng.
 - ✚ Chốt danh sách cổ đông (ngày đăng ký cuối cùng) để thực hiện chi trả cổ tức năm 2024.
 - ✚ Phê duyệt giao dịch với các bên có liên quan của Công ty.
 - ✚ Phê duyệt thanh lý và xử lý toàn bộ tài sản, công cụ dụng cụ, chi phí phân bổ còn lại của Chi nhánh tại Thành phố Biên Hòa.

3. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH:

- Năm 2025 là một năm sản xuất, kinh doanh khó khăn, Tổng Giám đốc và Ban điều hành luôn kịp thời cập nhật, dự báo những khó khăn, vướng mắc kiến nghị và xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng Quản trị; tập trung chủ động nghiên cứu các giải pháp cải tiến kỹ thuật, sắp xếp lại dây chuyền sản xuất, bố trí nguồn nhân lực phù hợp, tiết kiệm nguyên nhiên liệu đầu vào cho sản xuất, cải tiến bao bì sản xuất; chủ động sản xuất hàng hóa đảm bảo ổn định nguồn cung ra thị trường ngay cả thời điểm cao điểm nhất.
- Trong quá trình quản lý điều hành sản xuất, kinh doanh, Ban điều hành luôn thận trọng và tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, phù hợp các chính sách chung của Tập đoàn.
- Hội đồng Quản trị đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ, vai trò qua các giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh kịp thời, linh hoạt, phù hợp với chủ trương, định hướng của Hội đồng Quản trị. Các chỉ đạo mà Hội đồng Quản trị đưa ra đều được Ban điều hành triển khai đầy đủ, nhanh chóng, hiệu quả và báo cáo chi tiết kết quả tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ với tinh thần trách nhiệm cao.

4. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

- **Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu sản phẩm mới đẩy mạnh ngành hàng chăm sóc cá nhân - gia đình.** Các sản phẩm hóa mỹ phẩm mới khác sẽ là những đột phá trong việc tạo ra các nhu cầu mới và sở hữu những thành quả từ việc xây dựng thương hiệu và đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.
- Tiếp tục công tác định vị thương hiệu NET, từng bước thay đổi diện mạo, nâng cao giá trị hình ảnh thương hiệu nhằm phục vụ và đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng Việt.
- Chú trọng vào công nghệ sản xuất, cải tiến hệ thống sản xuất theo hướng tự động hóa, giảm sức người, tăng hiệu suất lao động.
- Phát triển quản trị nguồn nhân lực, trở thành một doanh nghiệp có môi trường làm việc mà tại đó nhân viên có thể phát huy tốt nhất khả năng, đóng góp vào thành tựu chung của Công ty.

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

a) Thành viên và cơ cấu thành phần Hội đồng Quản trị:

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bột Giặt NET nhiệm kỳ năm 2021-2026 bao gồm các thành viên sau:

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1.	Ông Trương Công Thắng	Chủ tịch HĐQT không điều hành	23/4/2021	-
2.	Bà Nguyễn Hoàng Yên	Thành viên HĐQT không điều hành	23/4/2021	-
3.	Ông Vũ Quốc Tuấn	Thành viên HĐQT không điều hành	19/4/2022	-
4.	Ông Huỳnh Việt Thắng	Thành viên độc lập HĐQT	23/4/2021	-
5.	Ông Trần Quốc Cường	Thành viên độc lập HĐQT	23/4/2021	18/4/2025
6.	Bà Lưu Thanh Hồng	Thành viên độc lập HĐQT	19/4/2022	25/6/2025
7.	Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên độc lập HĐQT	17/4/2024	-
8.	Bà Chu Phương Linh	Thành viên HĐQT không điều hành	25/6/2025	-
9.	Ông Phạm Hữu Tin	Thành viên độc lập HĐQT	25/6/2025	-

b) Thông tin chi tiết về thành viên Hội đồng Quản trị:

1. Ông Trương Công Thắng

- ◆ Ngày sinh: 06/3/1973.
- ◆ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân.
- ◆ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty Cổ phần Bột Giặt NET phát hành: 0%.
- ◆ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - ✚ Thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan;
 - ✚ Giám đốc Masan Consumer (Thailand) Limited;
 - ✚ Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Phát Triển Thương Mại Và Dịch Vụ VCM;
 - ✚ Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần The CrownX;
 - ✚ Công ty Cổ phần Địa ốc Vườn Xanh - Tổ chức mà Ông Trương Công Thắng sở hữu cổ phần chi phối;
 - ✚ Công ty TNHH Sông Cả Vạn An - Tổ chức mà Ông Trương Công Thắng sở hữu cổ phần chi phối;
 - ✚ Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Công Nghệ Vì Cuộc Sống - Tổ chức mà Ông Trương Công Thắng sở hữu cổ phần chi phối.

2. Bà Nguyễn Hoàng Yên

- ◆ Ngày sinh: 30/7/1963.

- ◆ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Nga Văn.
- ◆ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty Cổ phần Bột Giặt NET phát hành: 0%.
- ◆ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - ✚ Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Masan;
 - ✚ Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan;
 - ✚ Thành viên Hội đồng Quản trị và Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan;
 - ✚ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Masan PQ;
 - ✚ Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Cát Trắng;
 - ✚ Chủ tịch Công ty Công ty TNHH Một thành viên Nam Ngư Phú Quốc;
 - ✚ Chủ tịch Công ty Công ty TNHH Masan Long An;
 - ✚ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phong Phú - Lâm Đồng.

3. Ông Huỳnh Việt Thăng

- ◆ Ngày sinh: 14/08/1973.
- ◆ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.
- ◆ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty Cổ phần Bột Giặt NET phát hành: 0%.
- ◆ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - ✚ Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan;
 - ✚ Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh;
 - ✚ Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Masan MEATLife.

4. Ông Vũ Quốc Tuấn

- ◆ Ngày sinh: 05/01/1965
- ◆ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị hệ thống công nghiệp.
- ◆ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty Cổ phần Bột Giặt NET phát hành: 0%.
- ◆ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.

5. Bà Chu Phương Linh

- ◆ Ngày sinh: 23/9/1979
- ◆ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh
- ◆ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty Cổ phần Bột Giặt NET phát hành: 36% (là người đại diện phần vốn góp của cổ đông Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tại Công ty Cổ phần Bột Giặt NET).
- ◆ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.

6. Ông Phạm Hữu Tin

- ◆ Ngày sinh: 03/8/1977
- ◆ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý kinh tế

- ◆ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty Cổ phần Bột Giặt NET phát hành: 0%.
- ◆ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.

7. Ông Nguyễn Hồng Hải – Chức danh: Thành viên Hội đồng Quản trị

- ◆ Ngày sinh: 23/9/1987
- ◆ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh, Kỹ sư Công nghệ Hóa
- ◆ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty Cổ phần Bột Giặt NET phát hành: 0%.
- ◆ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.

c) Hoạt động của các tiểu ban Hội đồng Quản trị: không có.

d) Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

- Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng cổ đông bầu để giám sát các hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị họp thường xuyên để thảo luận các quyết định chiến lược được đề xuất bởi Tổng Giám đốc.
- Hội đồng Quản trị đã đưa ra những định hướng phát triển sản xuất kinh doanh mang tính chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển trung – dài hạn phù hợp, triển khai thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.
- Các cuộc họp Hội đồng Quản trị được tổ chức, thảo luận một cách công khai và dân chủ. Thành viên Hội đồng Quản trị luôn tham gia họp, biểu quyết đầy đủ với tinh thần trách nhiệm cao và kinh nghiệm quản lý của mình. Các vấn đề lấy ý kiến được Hội đồng Quản trị đánh giá thảo luận thấu đáo, chi tiết và cẩn trọng để đi đến quyết định thống nhất trước khi ra Nghị quyết, Quyết định và luôn đảm bảo tính kịp thời.
- Theo đó trong năm qua, Hội đồng Quản trị đã thực hiện hiệu quả công việc:
 - Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức ngày 18/4/2025 và Đại hội đồng cổ đông bất thường tổ chức ngày 25/6/2025.
 - Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc trong việc điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.
 - Phối hợp chặt chẽ với Tổng Giám đốc để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các yêu cầu kinh doanh của Công ty.
 - Tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị soát xét tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định, tình hình sản xuất kinh doanh của quý và lũy kế, thảo luận thông qua các Nghị quyết để Tổng Giám đốc làm cơ sở triển khai thực hiện.
- Năm 2025, không phát sinh giao dịch liên quan giữa Công ty và thành viên Hội đồng Quản trị.

2. ỦY BAN KIỂM TOÁN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

a) Thành viên và cơ cấu thành phần Ủy ban kiểm toán:

- Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng Quản trị và có từ 02 thành

viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập; các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

- Tại Công ty Cổ phần Bột giặt NET, Ủy ban kiểm toán bao gồm 02 thành viên và là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành. Hội đồng Quản trị xác định năng lực của các thành viên, năng lực, thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban kiểm toán thông qua Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày bổ nhiệm
1.	Ông Huỳnh Việt Thăng	Chủ tịch UBKT	23/4/2021	-
2.	Bà Lưu Thanh Hồng	Thành viên UBKT	17/4/2024	25/6/2025
3.	Ông Phạm Hữu Tin	Thành viên UBKT	25/6/2025	-

b) Thông tin lý lịch của Ủy ban kiểm toán:

1. **Ông Huỳnh Việt Thăng:** vui lòng xem thông tin đã trình bày tại điểm 3 mục 1.2 Thông tin chi tiết của thành viên Hội đồng Quản trị.
2. **Ông Phạm Hữu Tin:** vui lòng xem thông tin đã trình bày tại điểm 6 mục 1.2 Thông tin chi tiết của thành viên Hội đồng Quản trị.

c) Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong năm qua:

- Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản theo Điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết.
- Trong năm 2025, Ủy ban kiểm toán chịu trách nhiệm chính trong việc rà soát các vấn đề và các xét đoán trọng yếu của báo cáo tài chính quý, bán niên và năm của Công ty để đảm bảo tính trung thực của Báo cáo tài chính, hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ, tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, rà soát các giao dịch của bên có quyền lợi liên quan thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có sự phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông hoặc giao dịch của người có thể gây xung đột lợi ích.
- Bên cạnh đó, Ủy ban kiểm toán theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của Công ty kiểm toán (Công ty TNHH KPMG) và hiệu quả của quá trình kiểm toán. Xem xét báo cáo của kiểm toán viên độc lập và các báo cáo về các hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty trước khi trình Hội đồng Quản trị chấp thuận. Tham khảo ý kiến về việc chỉ định công ty kiểm toán độc lập.
- Thông qua 02 cuộc họp định kỳ trong năm, Ủy ban kiểm toán đã thống nhất và phê duyệt các nội dung sau:
 - Hội thảo luận và thống nhất về mục tiêu và các kế hoạch hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong năm 2025; thống nhất nội dung dự thảo Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025 của Bộ phận kiểm toán nội bộ trình Hội đồng Quản trị.

- Thống nhất Báo cáo kết quả đánh giá kiểm toán nội bộ năm 2025 của Bộ phận kiểm toán nội bộ trình Hội đồng Quản trị; đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị; đánh giá các giao dịch liên quan mà Công ty đã thực hiện trong năm 2025.

3. LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN, TỔNG GIÁM ĐỐC PHÁT SINH TRONG NĂM 2025:

STT	Thành viên	Chức danh	Thù lao (đồng)
I. Thành viên Hội đồng Quản trị:			
1.	Trương Công Thắng	Chủ tịch HĐQT	0
2.	Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên HĐQT	0
3.	Huỳnh Việt Thắng	Thành viên HĐQT	0
4.	Vũ Quốc Tuấn	Thành viên HĐQT	0
5.	Chu Phương Linh	Thành viên HĐQT (từ ngày 25/6/2025)	24.000.000
6.	Phạm Hữu Tin	Thành viên HĐQT (từ ngày 25/6/2025)	24.000.000
7.	Trần Quốc Cường	Thành viên HĐQT (đến ngày 18/4/2025)	16.000.000
8.	Lưu Thanh Hồng	Thành viên HĐQT (đến ngày 25/6/2025)	24.000.000
9.	Nguyễn Hồng Hải	Thành viên HĐQT	48.000.000
Tổng cộng			144.000.000
II. Thành viên Ủy ban kiểm toán:			
1.	Huỳnh Việt Thắng	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	0
2.	Lưu Thanh Hồng	Thành viên Ủy ban kiểm toán (đến ngày 25/6/2025)	0
3.	Phạm Hữu Tin	Thành viên Ủy ban kiểm toán (từ ngày 25/6/2025)	0
III. Tổng Giám đốc:			
1.	Mai Đức Lâm	Tổng Giám đốc	2.307.849.110

4. GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ HOẶC NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ TRONG NĂM 2025

Năm 2025, phát sinh giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ như sau:

STT	Tên Công ty	Mối quan hệ liên quan với công ty	Địa chỉ	Nội dung, giá trị giao dịch (đồng)
1.	Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Masan	Người có liên quan của người nội bộ	23 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	Bán hàng hóa và dịch vụ: 499.167.209.715

				Mua hàng hóa: 13.377.889.484
2.	Công ty Cổ phần Mobicast	Người có liên quan của người nội bộ	Tầng 4, Tòa nhà Trung tâm Quốc tế, 17 Ngô Quyền, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	Mua dịch vụ: 218.575.070 (Hiện nay không còn là Người có liên quan của người nội bộ)
3.	Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage	Người có liên quan của người nội bộ	Phòng 702, Tầng 7, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh	Mua hàng hóa: 316.667 (Hiện nay không còn là Người có liên quan của người nội bộ)
4.	Nhà máy Hóa chất Biên Hòa – Công ty CP Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Tổ chức liên quan của cổ đông lớn	Đường Số 5, Phường Trần Biên, Tỉnh Đồng Nai	Mua hàng hóa: 22.306.147.500

5. VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của Công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của Công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích Công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025 KIỂM TOÁN



Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số

3600642822

ngày 1 tháng 7 năm 2003

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 10 tháng 1 năm 2026. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Tài Chính Tỉnh Đồng Nai cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Công Thắng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên
Ông Huỳnh Việt Thăng	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên
Ông Vũ Quốc Tuấn	Thành viên
Bà Chu Phương Linh	Thành viên
	(từ ngày 25 tháng 6 năm 2025)
Ông Phạm Hữu Tin	Thành viên
	(từ ngày 25 tháng 6 năm 2025)
Ông Trần Quốc Cường	Thành viên
	(đến ngày 18 tháng 4 năm 2025)
Bà Lưu Thanh Hồng	Thành viên
	(đến ngày 24 tháng 6 năm 2025)

Ủy ban Kiểm toán

Ông Huỳnh Việt Thăng	Chủ tịch
Ông Phạm Hữu Tin	Thành viên
	(từ ngày 25 tháng 6 năm 2025)
Bà Lưu Thanh Hồng	Thành viên
	(đến ngày 24 tháng 6 năm 2025)

Ban Giám đốc

Ông Mai Đức Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Cường	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Công nghệ và Sản xuất
Ông Cao Trần Đăng Khoa	Giám đốc Chất lượng

Trụ sở đăng ký

Đường D4, Khu Công nghiệp Lộc An - Bình Sơn
Xã Long Thành
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Báo cáo của Ban Giám đốc

BÁO CÁO TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bột giặt NET (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
BỘT GIẶT NET
Mai Đức Lâm
Tổng Giám đốc



Tỉnh Đồng Nai, ngày 24 tháng 2 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bột giặt NET (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 2 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bột giặt NET tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-01422-26-1



Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thùy
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3463-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 2 năm 2026

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		817.750.790.716	714.889.274.816
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	278.575.058.280	346.842.018.387
Tiền	111		5.775.058.280	25.942.018.387
Các khoản tương đương tiền	112		272.800.000.000	320.900.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		299.100.000.000	85.100.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	299.100.000.000	85.100.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.690.730.417	53.404.766.484
Phải thu của khách hàng	131	7	48.663.287.259	47.836.026.902
Trả trước cho người bán	132		2.811.264.660	4.171.323.622
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.216.178.498	1.397.415.960
Hàng tồn kho	140	9	184.415.394.996	227.903.963.244
Hàng tồn kho	141		186.879.759.686	228.438.527.915
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.464.364.690)	(534.564.671)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.969.607.023	1.638.526.701
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		753.809.347	1.170.501.575
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.215.797.676	2.853.083
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	465.172.043

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		258.365.945.948	271.416.043.825
Tài sản cố định	220		199.495.481.922	203.515.065.821
Tài sản cố định hữu hình	221	10	196.392.194.436	199.779.295.274
Nguyên giá	222		456.310.971.086	407.750.841.108
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(259.918.776.650)	(207.971.545.834)
Tài sản cố định vô hình	227	11	3.103.287.486	3.735.770.547
Nguyên giá	228		4.531.881.407	4.531.881.407
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.428.593.921)	(796.110.860)
Bất động sản đầu tư	230	12	-	4.165.584.044
Nguyên giá	231		-	34.505.676.919
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(30.340.092.875)
Tài sản dở dang dài hạn	240		16.417.852.539	11.869.496.889
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	16.417.852.539	11.869.496.889
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		716.390.400	716.390.400
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(716.390.400)	(716.390.400)
Tài sản dài hạn khác	260		42.452.611.487	51.865.897.071
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	42.268.357.787	42.521.282.196
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	184.253.700	9.344.614.875
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.076.116.736.664	986.305.318.641

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		534.096.454.424	457.378.341.545
Nợ ngắn hạn	310		533.075.185.924	456.281.761.682
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	229.604.949.514	208.854.987.326
Người mua trả tiền trước	312		11.683.500.274	7.875.918.376
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	16.485.386.118	26.727.970.671
Phải trả người lao động	314		75.964.851	76.639.214
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	40.392.324.038	56.833.777.959
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	1.253.691.238	5.560.457.121
Vay ngắn hạn	320	20	227.606.281.078	144.378.922.202
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	5.973.088.813	5.973.088.813
Nợ dài hạn	330		1.021.268.500	1.096.579.863
Phải trả dài hạn khác	337		100.000.000	100.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		921.268.500	996.579.863
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		542.020.282.240	528.926.977.096
Vốn chủ sở hữu	410	22	542.020.282.240	528.926.977.096
Vốn cổ phần	411	23	223.983.740.000	223.983.740.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	28.929.813.094	28.929.813.094
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		289.106.729.146	276.013.424.002
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		130.423.993.002	69.389.036.412
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước	421b		158.682.736.144	206.624.387.590
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.076.116.736.664	986.305.318.641

Ngày 24 tháng 2 năm 2026

Người lập:



Phan Thị Thanh Tinh
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Thành Luân
Kế toán Trưởng



Mai Đức Lâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	1.630.973.460.277	1.703.790.590.058
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	11.764.328.225	51.128.680.961
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	27	1.619.209.132.052	1.652.661.909.097
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	1.253.134.696.731	1.225.768.389.569
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		366.074.435.321	426.893.519.528
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	25.061.799.073	18.042.023.716
Chi phí tài chính	22	30	10.582.212.898	11.864.312.078
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.591.523.698	6.220.016.003
Chi phí bán hàng	25	31	149.051.511.241	142.764.354.293
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	29.392.470.763	32.400.004.056
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		202.110.039.492	257.906.872.817
Thu nhập khác	31		70.621.363	404.297.641
Chi phí khác	32		2.085.988.227	5.575.192
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(2.015.366.864)	398.722.449
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		200.094.672.628	258.305.595.266
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	32.251.575.309	59.133.857.006
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	34	9.160.361.175	(7.452.649.330)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		158.682.736.144	206.624.387.590

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)**

Mẫu B 02 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã	Thuyết	2025	2024
	số	minh	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		158.682.736.144	206.624.387.590
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	7.085	9.225

Ngày 24 tháng 2 năm 2026

Người lập:

Phan Thị Thanh Tình
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Thành Luân
Kế toán Trưởng



Mai Đức Lâm
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	200.094.672.628	258.305.595.266
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	22.239.621.002	21.680.985.503
Các khoản dự phòng	03	3.189.446.831	978.918.637
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(33.495.689)	327.067.562
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(21.432.094.050)	(13.285.561.512)
Chi phí lãi vay	06	8.591.523.698	6.220.016.003
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	212.649.674.420	274.227.021.459
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(261.554.885)	12.387.365.583
Biến động hàng tồn kho	10	40.223.810.054	(52.426.651.279)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(1.000.982.801)	49.878.825.635
Biến động chi phí trả trước	12	3.137.589.161	372.680.086
		254.748.535.949	284.439.241.484
Tiền lãi vay đã trả	14	(8.496.011.840)	(6.221.796.350)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(39.604.158.290)	(44.698.597.332)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	206.648.365.819	233.518.847.802
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(19.374.518.909)	(18.671.490.932)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	1.639.855.333
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(573.300.000.000)	(278.100.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24	359.300.000.000	312.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	20.828.784.323	13.939.200.153
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(212.545.734.586)	30.807.564.554

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	858.225.043.186	646.596.637.329
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(774.997.684.310)	(715.585.183.327)
Tiền chi trả cổ tức	36	(145.587.546.000)	(111.990.420.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(62.360.187.124)	(180.978.965.998)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(68.257.555.891)	83.347.446.358
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	346.842.018.387	263.529.637.698
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(9.404.216)	(35.065.669)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	278.575.058.280	346.842.018.387

Ngày 24 tháng 2 năm 2026

Người lập:



Phan Thị Thanh Tình
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Thành Luân
Kế toán Trưởng



Ma Đức Lâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bột giặt NET (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- sản xuất bột giặt và chất tẩy rửa;
- bán buôn các loại bột giặt, chế phẩm vệ sinh và hóa chất tẩy rửa; và
- cho thuê kho và nhà xưởng.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong vòng 12 tháng.

(d) Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có trụ sở chính tại xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai và 3 chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Chi nhánh Biên Hòa (1/1/2025: 3 chi nhánh hạch toán phụ thuộc).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 261 nhân viên (1/1/2025: 303 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 15 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 7 năm đến 10 năm.

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá trị nhà cửa, cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 20 – 25 năm
- cơ sở hạ tầng 5 – 20 năm

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho tài sản cố định hữu hình và vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí sử dụng hạ tầng

Phí sử dụng hạ tầng là chi phí trả trước phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng hạ tầng khu công nghiệp. Phí sử dụng hạ tầng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất và sử dụng cơ sở hạ tầng là 47 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ phải trả đó.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê trong suốt thời hạn thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

Lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính, đó là sản xuất và bán buôn bột giặt, nước giặt và chất tẩy rửa. Do đó, báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty được dựa theo bộ phận chia theo vùng địa lý.

(t) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

4. Báo cáo bộ phận

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu của bộ phận được phân bổ theo vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam (“Trong nước”) hay ở các nước khác ngoài Việt Nam (“Nước ngoài”). Toàn bộ tài sản của bộ phận và chi tiêu vốn của bộ phận nằm ở Việt Nam. Các thông tin doanh thu thuần, giá vốn và lợi nhuận gộp của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

	Trong nước		Nước ngoài		Tổng	
	2025 VND	2024 VND	2025 VND	2024 VND	2025 VND	2024 VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.443.634.298.701	1.429.472.362.066	175.574.833.351	223.189.547.031	1.619.209.132.052	1.652.661.909.097
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.129.875.761.724	1.074.460.739.463	123.258.935.007	151.307.650.106	1.253.134.696.731	1.225.768.389.569
Lợi nhuận gộp	313.758.536.977	355.011.622.603	52.315.898.344	71.881.896.925	366.074.435.321	426.893.519.528

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	96.608.111	96.608.111
Tiền gửi ngân hàng	5.678.450.169	25.845.410.276
Các khoản tương đương tiền	272.800.000.000	320.900.000.000
	<hr/>	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	278.575.058.280	346.842.018.387

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi.

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	299.100.000.000	85.100.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty mẹ của công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	39.059.614.690	18.114.013.543
Bên liên quan		
Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	4.763.920	-

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là từ 15 đến 90 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	1.843.696.987	1.240.387.260
Đặt cọc ngắn hạn	111.760.000	103.200.000
Phải thu ngắn hạn khác	260.721.511	53.828.700
	<hr/>	<hr/>
	2.216.178.498	1.397.415.960
	<hr/>	<hr/>

9. Hàng tồn kho

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	1.762.405.632	-	2.985.519.371	-
Nguyên vật liệu	138.546.615.588	(2.293.275.929)	165.354.389.355	(259.703.247)
Công cụ và dụng cụ	2.030.921.341	-	1.579.739.031	-
Thành phẩm	41.201.281.344	(171.088.761)	55.640.537.216	(274.861.424)
Hàng hóa	93.189.149	-	83.629.293	-
Hàng gửi đi bán	3.245.346.632	-	2.794.713.649	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	186.879.759.686	(2.464.364.690)	228.438.527.915	(534.564.671)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	534.564.671	21.113.339.475
Trích lập dự phòng trong năm	3.264.758.194	4.408.440.581
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.334.958.175)	(20.561.113.578)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(4.426.101.807)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	2.464.364.690	534.564.671
	<hr/>	<hr/>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có 2.464 triệu VND (1/1/2025: 535 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	229.898.525.989	171.900.785.389	3.864.155.518	2.087.374.212	407.750.841.108
Tăng trong năm	-	-	86.000.000	-	86.000.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9.188.115.720	4.780.337.339	-	-	13.968.453.059
Chuyển từ bất động sản đầu tư	34.505.676.919	-	-	-	34.505.676.919
Số dư cuối năm	273.592.318.628	176.681.122.728	3.950.155.518	2.087.374.212	456.310.971.086
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	82.405.002.847	121.388.764.436	2.410.084.828	1.767.693.723	207.971.545.834
Khấu hao trong năm	10.988.758.653	8.633.080.011	468.607.468	145.414.741	20.235.860.873
Chuyển từ bất động sản đầu tư	31.711.369.943	-	-	-	31.711.369.943
Số dư cuối năm	125.105.131.443	130.021.844.447	2.878.692.296	1.913.108.464	259.918.776.650
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	147.493.523.142	50.512.020.953	1.454.070.690	319.680.489	199.779.295.274
Số dư cuối năm	148.487.187.185	46.659.278.281	1.071.463.222	174.265.748	196.392.194.436

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 97.798 triệu VND (1/1/2025: 86.395 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	4.531.881.407
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	796.110.860
Khấu hao trong năm	632.483.061
Số dư cuối năm	1.428.593.921
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	3.735.770.547
Số dư cuối năm	3.103.287.486

12. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	31.727.073.211	2.778.603.708	34.505.676.919
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(31.727.073.211)	(2.778.603.708)	(34.505.676.919)
Số dư cuối năm	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	27.859.370.211	2.480.722.664	30.340.092.875
Khấu hao trong năm	1.312.764.724	58.512.344	1.371.277.068
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(29.172.134.935)	(2.539.235.008)	(31.711.369.943)
Số dư cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	3.867.703.000	297.881.044	4.165.584.044
Số dư cuối năm	-	-	-

Trong bất động sản đầu tư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 3.960 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	2025 VND
Số dư đầu năm	11.869.496.889
Tăng trong năm	20.984.781.233
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(13.968.453.059)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(2.467.972.524)
	<hr/>
Số dư cuối năm	16.417.852.539

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Nhà cửa và vật kiến trúc	660.000.000	676.128.000
Máy móc và thiết bị	15.708.509.064	10.800.408.889
Các tài sản khác	49.343.475	392.960.000
	<hr/>	<hr/>
	16.417.852.539	11.869.496.889

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Phí sử dụng hạ tầng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	39.864.826.469	2.656.455.727	42.521.282.196
Tăng trong năm	-	65.757.000	65.757.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	2.467.972.524	2.467.972.524
Phân bổ trong năm	(1.128.249.805)	(1.658.404.128)	(2.786.653.933)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	38.736.576.664	3.531.781.123	42.268.357.787

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	-	6.903.622.814
Chi phí phải trả khác	184.253.700	2.440.992.061
	<hr/>	<hr/>
	184.253.700	9.344.614.875

16. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
<i>Các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Masan Brewery MB	38.500.000	38.500.000
Nhà máy Hóa chất Biên Hòa – Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	-	2.444.950.440
Công ty Cổ phần Mobicast	-	12.917.405
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Thuế phải nộp Nhà Nước**

	1/1/2025 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cân trừ/Hoàn lại VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.442.814.148	128.648.783.999	(20.096.317.820)	(111.995.280.327)	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	20.454.342.946	(20.454.342.946)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.277.626.127	32.251.575.309	(39.604.158.290)	-	15.925.043.146
Thuế nhập khẩu	-	625.052.849	(625.052.849)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	7.530.396	3.365.884.902	(2.347.900.283)	(465.172.043)	560.342.972
Các loại thuế khác	-	2.733.439.216	(2.067.775.363)	(665.663.853)	-
	26.727.970.671	188.079.079.221	(85.195.547.551)	(113.126.116.223)	16.485.386.118

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Chi phí khuyến mãi, quảng cáo và hỗ trợ bán hàng	17.876.557.605	31.314.254.166
Chi phí thưởng và lương tháng 13	7.742.926.995	8.825.841.579
Chi phí kho vận	5.611.307.952	6.102.569.879
Chi phí trưng bày	1.483.093.811	280.000.000
Chi phí lãi vay	181.148.583	85.636.725
Chi phí ngắn hạn khác	7.497.289.092	10.225.475.610
	<hr/>	<hr/>
	40.392.324.038	56.833.777.959
	<hr/>	<hr/>

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Nhận đặt cọc ngắn hạn	906.958.017	4.907.106.249
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	69.318.747	58.245.682
Cổ tức phải trả	13.011.430	11.126.430
Phải trả khác	264.403.044	583.978.760
	<hr/>	<hr/>
	1.253.691.238	5.560.457.121
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***20. Vay ngắn hạn**

	1/1/2025 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2025 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Nhận nợ vay VND	Trả nợ vay VND	
Vay ngắn hạn	144.378.922.202	858.225.043.186	(774.997.684.310)	227.606.281.078

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	VND	4,7% - 6,0%	227.606.281.078	144.378.922.202

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, Công ty không có khoản vay quá hạn bao gồm cả nợ gốc vay và lãi vay.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết tại cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Không có biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm.

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	223.983.740.000	28.929.813.094	181.380.906.412	434.294.459.506
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	206.624.387.590	206.624.387.590
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(111.991.870.000)	(111.991.870.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	223.983.740.000	28.929.813.094	276.013.424.002	528.926.977.096
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	158.682.736.144	158.682.736.144
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(145.589.431.000)	(145.589.431.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	223.983.740.000	28.929.813.094	289.106.729.146	542.020.282.240

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2025		1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000
Vốn cổ phần đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

24. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty ngày 18 tháng 4 năm 2025 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 18 tháng 9 năm 2025 đã phê duyệt việc chia cổ tức bằng tiền với số tiền là 145.589 triệu VND (2024: 111.992 triệu VND).

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết tại cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được trích lập cho mục đích mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh của Công ty trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng một năm	2.202.034.057	4.913.334.399
Từ hai đến năm năm	7.977.806.304	8.627.849.904
Sau năm năm	42.783.517.814	44.777.969.390
	52.963.358.175	58.319.153.693

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	22.008.161.981	13.446.645.258
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	24.704.527.688	16.139.388.141
	46.712.689.669	29.586.033.399

(c) Ngoại tệ

	31/12/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	183.055	4.781.017.953	431.119	10.845.266.716
EUR	170	5.194.752	181	4.729.566
		4.786.212.705		10.849.996.282

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2025 VND	2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng hóa	1.625.733.010.835	1.695.706.907.578
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.560.412.031	4.842.237.092
▪ Doanh thu khác	2.680.037.411	3.241.445.388
	<hr/> 1.630.973.460.277	<hr/> 1.703.790.590.058
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	6.899.966.863	30.358.518.467
▪ Hàng bán bị trả lại	4.864.361.362	20.770.162.494
	<hr/> 11.764.328.225	<hr/> 51.128.680.961
Doanh thu thuần	<hr/> <hr/> 1.619.209.132.052	<hr/> <hr/> 1.652.661.909.097

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2025 VND	2024 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Hàng hóa đã bán	1.246.342.664.169	1.222.339.262.637
▪ Dịch vụ cung cấp	2.475.025.869	2.587.837.915
▪ Giá vốn khác	1.052.248.499	858.950.243
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.264.758.194	(17.661.226)
	<hr/> 1.253.134.696.731	<hr/> 1.225.768.389.569

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2025 VND	2024 VND
Lãi tiền gửi	21.432.094.050	12.916.568.098
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.629.705.023	5.125.455.618
	<hr/>	<hr/>
	25.061.799.073	18.042.023.716

30. Chi phí tài chính

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay	8.591.523.698	6.220.016.003
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.990.689.200	5.644.296.075
	<hr/>	<hr/>
	10.582.212.898	11.864.312.078

31. Chi phí bán hàng

	2025 VND	2024 VND
Chi phí khuyến mãi, quảng cáo và hỗ trợ bán hàng	73.385.374.337	67.793.667.035
Chi phí kho vận	39.686.652.703	36.576.176.975
Chi phí nhân viên	24.885.012.203	23.492.679.101
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.163.903.607	3.917.537.312
Chi phí bán hàng khác	6.930.568.391	10.984.293.870
	<hr/>	<hr/>
	149.051.511.241	142.764.354.293

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***32. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	13.712.054.612	13.207.562.530
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.732.281.478	3.611.989.223
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	351.445.756	1.297.603.744
Chi phí quản lý khác	11.596.688.917	14.282.848.559
	29.392.470.763	32.400.004.056

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.181.687.303.914	1.147.702.772.656
Chi phí nhân công và nhân viên	76.328.111.491	75.512.548.548
Chi phí khấu hao và phân bổ	22.239.621.002	21.680.985.503
Chi phí khác	151.323.642.328	156.036.441.211

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2025 VND	2024 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	31.275.765.203	59.133.857.006
Dự phòng thiếu trong những năm trước	975.810.106	-
	32.251.575.309	59.133.857.006
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	9.160.361.175	(7.452.649.330)
	41.411.936.484	51.681.207.676

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	200.094.672.628	258.305.595.266
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	40.018.934.526	51.661.119.053
Chi phí không được khấu trừ thuế	417.191.852	20.088.623
Dự phòng thiếu trong những năm trước	975.810.106	-
	41.411.936.484	51.681.207.676

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ các cơ quan thuế khác nhau. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này có thẩm quyền áp đặt các mức phạt và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là cao hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của Ban Giám đốc về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyên giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách diễn giải khác và ảnh hưởng đến báo cáo tài chính có thể là đáng kể.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***35. Lãi trên cổ phiếu****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được tính dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	158.682.736.144	206.624.387.590

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2025 Cổ phiếu	2024 Cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm	22.398.374	22.398.374

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2025 VND/cổ phiếu	2024 VND/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.085	9.225

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có khả năng suy giảm. Do vậy, việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
<i>Công ty mẹ của công ty mẹ</i>		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan		
Bán hàng hóa và dịch vụ	499.167.209.715	359.969.302.879
Mua hàng hóa	13.377.889.484	8.225.885.067
<i>Công ty mẹ</i>		
Công ty TNHH Masan HPC		
Cổ tức công bố	76.073.595.000	58.518.150.000
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Nhà máy Hóa chất Biên Hòa – Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam		
Mua hàng hóa	22.306.147.500	23.685.695.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam		
Mua hàng hóa	-	13.045.540.000
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam		
Cổ tức công bố	52.419.237.000	40.322.490.000
Công ty Cổ Phần Mobicast		
Mua dịch vụ	218.575.070	119.247.475
Công ty TNHH MEATDeli HN		
Bán hàng hóa	39.468.575	12.440.478
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn		
Bán hàng hóa	22.264.409	21.449.100
Công ty Cổ phần 3F Việt và chi nhánh		
Bán hàng hóa	44.267.409	10.510.059
Công ty TNHH Thực phẩm 3F Việt và chi nhánh		
Bán hàng hóa	11.001.500	10.724.550
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan		
Bán tài sản cố định	-	277.919.307
Mua hàng hóa	-	14.400.000

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB		
Bán hàng hóa	11.100.704	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce		
Mua hàng hóa	222.870.817	286.417.145
Công ty TNHH Masan Brewery MB		
Mua dịch vụ	420.000.000	315.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution		
Mua hàng hóa	138.712.728	46.080.000
Công ty Cổ Phần Phúc Long Heritage – Chi nhánh Đồng Nai		
Mua hàng hóa	316.667	-
Công ty Cổ phần The Supra		
Mua dịch vụ	24.216.305.645	-
Thành viên quản lý chủ chốt		
Thù lao	4.187.162.019	4.532.947.715

*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, Công ty cũng có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”), bên liên quan, theo các điều khoản thương mại thông thường.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong thù lao cho các nhân sự quản lý chủ chốt có các khoản phí, lương và thưởng đã chi trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Tổng Giám đốc của Công ty như sau:

Tên	Chức vụ	2025 VND	2024 VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Trương Công Thắng	Chủ tịch	-	-
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên	-	-
Ông Huỳnh Việt Thăng	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên	48.000.000	34.000.000
Ông Vũ Quốc Tuấn	Thành viên	-	-
Bà Chu Phương Linh	Thành viên	-	-
	(từ ngày 25 tháng 6 năm 2025)	24.000.000	-
Ông Phạm Hữu Tin	Thành viên	-	-
	(từ ngày 25 tháng 6 năm 2025)	24.000.000	-
Ông Trần Quốc Cương	Thành viên	-	-
	(đến ngày 18 tháng 4 năm 2025)	16.000.000	48.000.000
Bà Lưu Thanh Hồng	Thành viên	-	-
	(đến ngày 24 tháng 6 năm 2025)	24.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên	-	-
	(đến ngày 16 tháng 4 năm 2024)	-	14.000.000
Ủy ban Kiểm toán			
Ông Huỳnh Việt Thăng	Chủ tịch	-	-
Ông Phạm Hữu Tin	Thành viên	-	-
	(từ ngày 25 tháng 6 năm 2025)	-	-
Bà Lưu Thanh Hồng	Thành viên	-	-
	(đến ngày 24 tháng 6 năm 2025)	-	-
Ban Giám đốc			
Ông Mai Đức Lâm	Tổng Giám đốc	2.307.849.110	2.260.791.910
Ông Phan Trọng Chinh	Tổng Giám đốc	-	-
	(đến ngày 29 tháng 2 năm 2024)	-	733.537.342

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

37. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính này.

Ngày 24 tháng 2 năm 2026

Người lập:



Phan Thị Thanh Tinh
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Thành Luân
Kế toán Trưởng



Mai Đức Lâm
Tổng Giám đốc